TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hường, bà Ngô Thị Thu Hoà.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đinh Thị Hà Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiên - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L – Sinh năm 1985
Nơi ở hiện nay: Thôn Q, xã Y, tỉnh Ninh Bình
Nơi thường trú: Thôn V, xã V, tỉnh Ninh Bình
- Bị đơn: Anh Phạm Văn T – Sinh năm 1975.
Địa chỉ: Thôn V, xã V, tỉnh Ninh Bình
Tại phiên tòa: Vắng mặt anh T, chị L có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định, nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Ninh Bình vào ngày 16/9/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn V, xã V, hoà thuận đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do quan điểm sống không hợp nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng làm ăn thua lỗ nhưng anh T không làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, mỗi lần chị khuyên bảo thì vợ chồng lại cãi nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung, chị và anh T có 02 con chung là Phạm Duy P, sinh ngày 31/7/2004 và Phạm Ngọc T1, sinh ngày 01/12/2011. Cháu P đã trưởng thành đi làm tự lập được nên chị không đề nghị Toà án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị xin nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Phạm Văn T, nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Quá trình xác minh tại địa phương được biết: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T được Ủy ban nhân dân xã V cho đăng ký kết hôn số: 10 ngày 16/9/2003. Sau khi kết hôn, chị L và anh T sống cùng nhau tại xã V. Mâu thuẫn giữa chị L và anh T cụ thể thế nào địa phương không nắm được, theo thông tin từ gia đình anh T thì khoảng 3 – 4 năm gần đây vợ chồng anh T làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên vợ chồng xảy ra trục trặc, chị L đã thuê nhà sinh sống ở nơi khác, sau đó đưa con về bên ngoại ở. Giữa chị L và anh T có 02 con chung là Phạm Duy P, sinh ngày 31/7/2004 và Phạm Ngọc T1, sinh ngày 01/12/2011. Cháu P đã đi làm công nhân, còn cháu T1 đang đi học và ở với chị L. Hiện anh T có thường trú, sinh sống và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân tại xã V. Việc ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Do anh T vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ toạ phiên toà công bố yêu cầu xét xử vắng mặt của chị L và thông báo việc anh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước khi thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị L, xử ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc T1, sinh ngày 01/12/2011 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, cháu P đã trưởng thành tự lập được nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác chị L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị L khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T nên xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là "Ly hôn". Anh T cư trú tại xã V, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình là phù hợp với quy định

tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có mặt, chị L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt do vậy không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 16/9/2003, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mặc dù có 02 con chung với nhau nhưng hạnh phúc không duy trì được, Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ làm ăn kinh tế, khi gia đình khó khăn anh chị chưa biết chia sẻ cùng nhau mà xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương tôn trọng nhau. Chị L chủ động rời xa anh T, đưa con về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều nhưng vợ chồng anh chị không đoàn tụ được, cho đến nay chị L không quan tâm đến cuộc sống của anh T nữa nữa.

Chị L có đơn xin ly hôn, Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng anh T không có mặt để giải quyết nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Xét mâu thuẫn của vợ chồng anh chị, Hội đồng xét xử thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận đơn của chị L để xử ly hôn giữa anh chị là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị L, anh T có 02 con chung là Phạm Duy P, sinh ngày 31/7/2004 và Phạm Ngọc T1, sinh ngày 01/12/2011. Chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T1 có đơn xin ở với mẹ, hiện nay chị L đang trực tiếp nuôi cháu T1 và chị cũng đủ điều kiện để tiếp tục nuôi con. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con cũng như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con, cần giao cháu T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T và chị L có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Cháu P đã trưởng thành, đi làm tự lập được nên Hội Đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan trong hôn nhân: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị L phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc T1, sinh ngày 01/12/2011, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Trần Thị L phải nộp là 300.000đ, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001761, ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị L đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8;
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Vạn Thắng;
- Lưu: HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**